

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 29/4/2026

V/v: “Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đình Quyến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cai Thành Minh.

Bà Nguyễn Thị Dung.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Đặng Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hoà – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 217/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 33/2026/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1991 (có mặt).

Quê quán: xã C, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là xã X, tỉnh Gia Lai); số CCCD: 052191001155; ngày cấp: 01/4/2021; nơi cấp: Cục C – Bộ C1;

Địa chỉ nơi cư trú: thôn P, xã X, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Đình L**, sinh năm: 1990 (vắng mặt).

Quê quán: xã C, huyện P, tỉnh Bình Định cũ (nay là xã X, tỉnh Gia Lai); số CCCD: 052090000785; ngày cấp: 01/4/2021; nơi cấp: Cục C về TTXH – Bộ C1.

Địa chỉ nơi cư trú: thôn K, xã X, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ghi ngày 24/7/2025 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị với anh Nguyễn Đình L kết hôn năm 2009, trên tinh thần tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa

phương. Ngày 27/7/2009, chị và anh L thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Bình Định cũ (nay là xã X, tỉnh Gia Lai).

Sau khi kết hôn, vợ chồng chuyển về sống chung nhà với cha mẹ chồng. Đến năm 2018, vợ chồng chị xây nhà riêng trên thửa đất của cha mẹ chồng cho để ở riêng. Đời sống hôn nhân giữa chị và anh L hạnh phúc bình thường trong khoảng thời gian dài, thỉnh thoảng vợ chồng có xảy ra những mâu thuẫn, xích mích nhỏ, nhưng vợ chồng tự hoà giải với nhau. Đến tháng 4/2025, giữa chị và anh L bắt đầu phát sinh mâu thuẫn gay gắt. Nguyên nhân chính làm phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm về nhiều mặt trong đời sống chung. Anh L có lối sống gia trưởng, nhưng không có lập trường cá nhân. Anh nghe lời cha mẹ mình xúi giục nên nhiều lần chửi mắng chị. Không những thế, mỗi lần anh L đi chơi, ăn nhậu cùng bạn bè rồi về nhà là chửi mắng vợ con; thậm chí anh dùng những lời lẽ xúc phạm chị và cha mẹ chị. Mặc dù nhiều lần chị khuyên nhủ anh L bỏ thói hư, tật xấu để xây dựng đời sống hôn nhân tiến bộ, hạnh phúc, nhưng anh không chịu thay đổi lối sống; tiếp tục có hành vi bạo hành gia đình dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên kình cãi nhau, làm cho tình trạng mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và ngày càng trầm trọng. Không chịu đựng được lối sống bạo hành gia đình, chị bỏ về nhà cha mẹ chị ở tạm, sau đó đến Quy Nhơn xin việc làm, thuê nhà trọ sống riêng và chủ động ly thân với anh L cho đến nay. Trong khoảng thời gian dài sống ly thân, chị và anh L sống bỏ mặc nhau, không ai quan tâm đến ai.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mức độ mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

** Về quan hệ con chung:*

Giữa chị với anh L có 02 người con chung là các cháu Nguyễn Đình V, sinh ngày: 23/6/2011 và Nguyễn Đình V1, sinh ngày: 01/11/2018. Hiện tại sức khỏe, thể chất của các con phát triển bình thường, đang được anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị tự nguyện giao cháu V và cháu V1 cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn chị và anh L tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Về quan hệ tài sản chung:* Chị không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Bị đơn anh Nguyễn Đình L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và nhiều lần gửi giấy triệu tập kèm theo các văn bản tố tụng: Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho cha ruột của anh L là ông Nguyễn Văn N nhận thay; ông N cam kết giao lại cho anh L. Mặc dù, biết rõ hiện nay chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn tại Tòa án, nhưng anh L cố ý lẩn tránh, không đến Tòa án để tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Gia Lai phát biểu ý kiến kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi Tòa án thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghị án là đúng theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh Nguyễn Đình L cố ý lẩn tránh, không đến Tòa án tham gia tố tụng thì phải gánh chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị H được ly hôn với anh L.

Về con chung: giao các cháu Nguyễn Đình V, sinh ngày: 23/6/2011 và Nguyễn Đình V1, sinh ngày: 01/11/2018 cho anh L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; các đương sự không tranh chấp về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự không tranh chấp nên đề nghị Tòa án không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Xét về mặt thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Đình L hiện nay đăng ký cư trú tại thôn K, xã X, tỉnh Gia Lai. Quá trình giải quyết vụ án, anh L đã được Tòa án gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án và nhiều lần được Tòa án triệu tập đến Tòa án để tham gia tố tụng, nhưng anh L không gửi văn bản cho Tòa án nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và liên tục lẩn tránh, không đến Tòa án tham gia tố tụng. Các giai đoạn tố tụng tiếp theo, Tòa án đã phối hợp với chính quyền địa phương tổng đạt trực tiếp giấy triệu tập và các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn N (là cha ruột của anh L) nhận thay; ông N cam kết giao lại cho anh L để anh đến Tòa án thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Mặc dù biết rõ việc Tòa án đang thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H, nhưng anh L cố ý lẩn tránh, vắng mặt hầu hết các giai đoạn tố tụng tại Tòa án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt anh L. Bị đơn anh Nguyễn Đình L phải gánh chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H với anh Nguyễn Đình L kết hôn vào năm 2009, trên tinh thần tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương. Ngày

27/7/2009, chị H và anh L thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Bình Định cũ (nay là xã X, tỉnh Gia Lai). Tại thời điểm đăng ký kết hôn, cả chị H và anh L đều đáp ứng đầy đủ điều kiện kết hôn quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; thẩm quyền đăng ký kết hôn và nghi thức tổ chức đăng ký kết hôn phù hợp với quy định tại các Điều 12, 14 Luật Hôn nhân và gia đình – năm 2000. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh L được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị H, đối chiếu với tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo chị H trình bày, sau khi kết hôn, đời sống hôn nhân giữa chị và anh L hạnh phúc bình thường trong khoảng thời gian dài. Đến tháng 4/2025, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn gay gắt. Nguyên nhân chính làm phát sinh mâu thuẫn là do anh L có lối sống gia trưởng và bạo hành gia đình của anh L. Mặc dù nhiều lần chị khuyên nhủ để anh L thay đổi lối sống, xây dựng đời sống hôn nhân tiến bộ, hạnh phúc, nhưng anh L vẫn không thay đổi, thường xuyên chửi mắng, đánh đập chị. Không chịu đựng được lối sống bạo hành gia đình, chị bỏ về nhà cha mẹ chị ở tạm; sau đó đến Q tìm việc làm, thuê nhà trọ sống riêng và chủ động ly thân với anh L cho đến nay. Trong khoảng thời gian vợ chồng sống ly thân, giữa chị và anh L sống bỏ mặc nhau, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, mức độ mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vì vậy, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

[2.3] Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần tổng đạt giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác, nhưng anh L cố ý lẩn tránh, không đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Ngày 12/02/2026, Tòa án phối hợp với đại diện chính quyền địa phương đến nơi cư trú của anh L để tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ lấy lời khai của bị đơn, nhưng anh L không có mặt tại nơi cư trú. Làm việc với ông Nguyễn Văn N (cha ruột anh L) thì được biết, trước ngày 28/9/2025 (âm lịch) anh L sống và làm việc tại địa phương, đến cuối tháng 9/2025 anh L vào TP . làm thuê nên không thể chấp hành giấy triệu tập của Tòa án. Tuy nhiên, trước khi vào TP . làm thuê, anh L đã được công chức Tư pháp xã X tổng đạt trực tiếp giấy triệu tập thì anh L cho rằng, anh chấp nhận thuận tình ly hôn với chị H, nhưng nguyện vọng của anh mong muốn Tòa án tạo điều kiện giao các con cho anh được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và từ chối đến Tòa án tham gia tố tụng.

[2.4] Từ những nhận định trên, HĐXX có đủ cơ sở để kết luận: quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh L đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình – 2014 nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Giữa chị H và anh L có 02 người con chung là các cháu Nguyễn Đình V, sinh ngày: 23/6/2011, Nguyễn Đình V1, sinh ngày:

01/11/2018. Hiện nay sức khỏe, thể chất của các cháu đang phát triển bình thường; đang được anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị H tự nguyện giao cháu V1 và cháu V cho anh L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; không tranh chấp về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

Xét yêu cầu về việc nuôi con chưa thành niên sau ly hôn của chị H, HĐXX thấy rằng: Từ khi chị H bỏ nhà vào Q sống và làm việc thì cháu V1 và V được anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay cháu V1 và V đã trên 07 tuổi nên Tòa án tiến hành lấy ý kiến của các cháu theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 3 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/3/2026, cả cháu V1 và cháu V đều có nguyện vọng ở với bố. Do vậy, HĐXX xét giao cả hai cháu cho anh L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Các đương sự không tranh chấp nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về quan hệ tài sản: Các đương sự không có tranh chấp chia tài sản chung, giải quyết nghĩa vụ tài sản đối với người khác nên HĐXX không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí DSST: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV, chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn.

[6] Tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 186, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 264, 266, 273 và Điều 280 của BLTTDS, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 4 Điều 147 của BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về việc yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Đình L.

1.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Đình L.

1.2. Về quan hệ con chung:

Anh Nguyễn Đình L được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung chưa thành niên giữa chị H và anh L là các cháu Nguyễn Đình V, sinh ngày: 23/6/2011 và Nguyễn Đình V1, sinh ngày: 01/11/2018. Các đương sự không tranh chấp về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Sau ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở;

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về quan hệ tài sản:

Các đương sự không có tranh chấp nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Án phí DSST:

Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003920 ngày 21/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Nguyễn Đình L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận tổng đạt trực tiếp hoặc niêm yết công khai hợp lệ bản án.

Nơi nhận

- Phòng GD, KT, TTr và THA TAND tỉnh Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 3 - Gia Lai;
- VKSND khu vực 3 – Gia Lai;
- UBND xã Xuân An, tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Đình Quyền